

TÀI LIỆU MINH HỌA HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM AN PHÁT CÁT TƯỜNG – ĐÓNG PHÍ ĐỊNH KỲ

Gia tăng quyền lợi – Vẹn toàn tương lai



Gia tăng khả năng bảo vệ rủi ro toàn diện tùy theo nhu cầu thực tế



Tích lũy an toàn và hiệu quả với lãi suất đầu tư ổn định cùng các khoản thưởng



Linh hoạt điều chỉnh kế hoạch bảo hiểm để hướng tới tương lai vững chắc

Tổng Công Ty Bảo Việt Nhân thọ: Thành lập năm 1996, Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ là công ty Bảo hiểm nhân thọ đầu tiên trên thị trường Việt Nam và liên tục là một trong những công ty bảo hiểm nhân thọ có kết quả kinh doanh dẫn đầu thị trường trong những năm qua. Với hệ thống mạng lưới vững chắc gồm **76 Công ty thành viên** trên khắp 63 tỉnh thành, gần **400 văn phòng khu vực và Tổng đại lý**, cùng hơn **225.000 Tư vấn viên**, Bảo Việt Nhân thọ đã và đang bảo vệ cho hơn **14,2 triệu lượt khách hàng** với tổng số tiền chi trả quyền lợi và đáo hạn gần **35.000 tỷ đồng**, đóng góp hiệu quả vào ngân sách Nhà nước và góp phần vào sự phát triển kinh tế xã hội.

Trụ sở chính: Tầng 37, Keangnam Hanoi Landmark Tower, Đường Phạm Hùng, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng đài 1900 558899 **Fax** 024.35770958

Tư vấn viên: **Bùi Thị Hồng Tuyền**

Mã số: D100136551

Điện thoại: 0989345818

Nhóm/Ban: Ban Hà Nội 27 - NHN

Địa chỉ liên hệ: Bảo Việt Nhân Thọ Hà nội

Số 94 phố Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm



220020354717

BMBH: Nguyễn Văn A
Tư vấn viên: Bùi Thị Hồng Tuyền

Chữ ký BMBH:

Tài liệu này chỉ có giá trị sử dụng khi có đầy đủ số trang.

Version BVL2019.UVL_V1.1

BV-NAUVL05

Trang 1/11

TÓM TẮT VỀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM AN PHÁT CÁT TƯỜNG – ĐÓNG PHÍ ĐỊNH KỲ

Với phí định kỳ năm 25.000.000 đồng, Quý khách sẽ nhận được các Quyền lợi sau:

STT	QUYỀN LỢI	GIÁ TRỊ QUYỀN LỢI
I	Quyền lợi bảo hiểm (QLBH) chính	
1	QLBH tử vong*	Quyền lợi Cơ bản: Giá trị lớn hơn giữa 100% Số tiền bảo hiểm tử vong và 100% Giá trị Tài khoản Hợp đồng (GTTKHD).
2	QLBH thương tật nghiêm trọng do tai nạn*	Quyền lợi Cơ bản: Giá trị lớn hơn giữa 100% Số tiền bảo hiểm thương tật nghiêm trọng do tai nạn và 100% GTTKHD.
3	QLBH bệnh hiểm nghèo giai đoạn cuối (Ung thư giai đoạn 4, Ung thư máu giai đoạn cuối, Suy đa tạng, Hôn mê sâu, Xơ gan giai đoạn mất bù kèm hội chứng suy gan giai đoạn cuối)*	Ứng trước 50% QLBH tử vong (tối đa 500 triệu đồng) và miễn Phí bảo hiểm rủi ro của QLBH tử vong và QLBH thương tật nghiêm trọng do tai nạn.
4	Quyền lợi Thưởng duy trì Hợp đồng**	Được xác định bằng tỷ lệ % của GTTKHD trung bình trong thời hạn xét thưởng và được trả vào GTTKHD vào Ngày kỷ niệm hợp đồng lần thứ 10 và mỗi 05 năm sau đó (bao gồm cả Ngày đáo hạn).
5	Quyền lợi Thưởng gia tăng Giá trị Tài khoản**	Khi Hợp đồng đang có hiệu lực và không tạm ngừng đóng phí, nếu GTTKHD trung bình trong một năm ngay trước ngày xác định quyền lợi đạt mức quy định, Quyền lợi Thưởng gia tăng Giá trị Tài khoản sẽ được trả vào GTTKHD.
6	Quyền lợi đáo hạn	559.836.780 đồng (Giá trị dự kiến đã bao gồm Quyền lợi Thưởng duy trì Hợp đồng và Quyền lợi Thưởng gia tăng Giá trị Tài khoản, tính theo mức Lãi suất đầu tư dự kiến 7%/năm)



STT	QUYỀN LỢI	GIÁ TRỊ QUYỀN LỢI										
7	Quyền lợi hưởng Lãi suất cam kết tối thiểu	<p>Tại mọi thời điểm, Bảo Việt Nhân thọ cam kết lãi suất đầu tư mà Hợp đồng được hưởng mỗi năm sẽ không thấp hơn mức Lãi suất cam kết tối thiểu quy định dưới đây:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Năm Hợp đồng</th> <th>Lãi suất cam kết tối thiểu(%/năm)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Từ Năm thứ 01 đến Năm thứ 05</td> <td>2,0%</td> </tr> <tr> <td>Từ Năm thứ 06 đến Năm thứ 15</td> <td>1,5%</td> </tr> <tr> <td>Từ Năm thứ 16 đến Năm thứ 25</td> <td>1,0%</td> </tr> <tr> <td>Từ Năm thứ 26 trở đi</td> <td>0,5%</td> </tr> </tbody> </table>	Năm Hợp đồng	Lãi suất cam kết tối thiểu(%/năm)	Từ Năm thứ 01 đến Năm thứ 05	2,0%	Từ Năm thứ 06 đến Năm thứ 15	1,5%	Từ Năm thứ 16 đến Năm thứ 25	1,0%	Từ Năm thứ 26 trở đi	0,5%
Năm Hợp đồng	Lãi suất cam kết tối thiểu(%/năm)											
Từ Năm thứ 01 đến Năm thứ 05	2,0%											
Từ Năm thứ 06 đến Năm thứ 15	1,5%											
Từ Năm thứ 16 đến Năm thứ 25	1,0%											
Từ Năm thứ 26 trở đi	0,5%											
8	Quyền lợi Thưởng gia tăng đầu tư	<p>Tại thời điểm Hợp đồng chấm dứt hiệu lực, Bảo Việt Nhân thọ sẽ đánh giá và điều chỉnh lại GTTKHĐ (nếu cần) để đảm bảo giá trị này không thấp hơn tổng của GTTKHĐ tính theo Lãi suất cam kết tối thiểu và tổng lũy tích theo Lãi suất cam kết tối thiểu của Quyền lợi Thưởng gia tăng đầu tư đã phát sinh. Trong đó, Quyền lợi Thưởng gia tăng đầu tư được xác định bằng Giá trị Tài khoản Hợp đồng tính theo Lãi suất cam kết tối thiểu tại cuối năm Hợp đồng liền trước nhân với Tỷ lệ thưởng gia tăng đầu tư quy định dưới đây:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Thời điểm phát sinh quyền lợi</th> <th>Tỷ lệ thưởng gia tăng đầu tư(%)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tại các Ngày kỷ niệm Hợp đồng từ Ngày kỷ niệm Hợp đồng thứ 01 đến Ngày kỷ niệm Hợp đồng thứ 10</td> <td>1,5%</td> </tr> <tr> <td>Tại các Ngày kỷ niệm Hợp đồng kể từ Ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 11 trở đi</td> <td>1,0%</td> </tr> </tbody> </table>	Thời điểm phát sinh quyền lợi	Tỷ lệ thưởng gia tăng đầu tư(%)	Tại các Ngày kỷ niệm Hợp đồng từ Ngày kỷ niệm Hợp đồng thứ 01 đến Ngày kỷ niệm Hợp đồng thứ 10	1,5%	Tại các Ngày kỷ niệm Hợp đồng kể từ Ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 11 trở đi	1,0%				
Thời điểm phát sinh quyền lợi	Tỷ lệ thưởng gia tăng đầu tư(%)											
Tại các Ngày kỷ niệm Hợp đồng từ Ngày kỷ niệm Hợp đồng thứ 01 đến Ngày kỷ niệm Hợp đồng thứ 10	1,5%											
Tại các Ngày kỷ niệm Hợp đồng kể từ Ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 11 trở đi	1,0%											
II	Quyền lợi bảo hiểm (QLBH) nâng cao											

STT	QUYỀN LỢI	GIÁ TRỊ QUYỀN LỢI
1	QLBH tử vong do tai nạn mở rộng* - Tử vong do tai nạn trên chuyến bay thương mại - Tử vong do tai nạn thông thường	2.000.000.000 đồng 1.000.000.000 đồng
2	QLBH chăm sóc y tế - Trợ cấp viện phí cơ bản - Trợ cấp viện phí đặc biệt - Trợ cấp phẫu thuật - Hỗ trợ chi phí vận chuyển cấp cứu	2.000.000 đồng/ngày 4.000.000 đồng/ngày 10.000.000 đồng/phẫu thuật 1.000.000 đồng/lần
3	QLBH bệnh ung thư* - QLBH bệnh ung thư giai đoạn đầu - QLBH bệnh ung thư giai đoạn cuối	125.000.000 đồng 500.000.000 đồng trừ đi QLBH bệnh ung thư giai đoạn đầu đã trả (nếu có)
4	QLBH bệnh đột quỵ - QLBH bệnh đột quỵ nặng - QLBH bệnh đột quỵ nghiêm trọng	125.000.000 đồng 500.000.000 đồng trừ đi QLBH bệnh đột quỵ nặng đã trả (nếu có)

Ghi chú:

- (*) Chi trả tỷ lệ riêng cho trường hợp Người được bảo hiểm dưới 4 tuổi theo quy định tại Quy tắc, Điều khoản Hợp đồng.
- (**) Quyền lợi sẽ được tích lũy để hưởng lãi và được trả theo quy định tại Quy tắc, Điều khoản Hợp đồng.
- Chi tiết về quyền lợi bảo hiểm, hạn mức chi trả tối đa và các nội dung khác được quy định tại Quy tắc, Điều khoản Hợp đồng.

LÃI SUẤT DỰ KIẾN VÀ LÃI SUẤT CÔNG BỐ CỦA QUỸ LIÊN KẾT CHUNG

Lãi suất dự kiến hiện hành đang áp dụng là: 6%/năm. Trong các năm qua, Bảo Việt Nhân thọ thường có Lãi suất công bố cao hơn Lãi suất dự kiến và là một trong những doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ có Lãi suất công bố cho sản phẩm liên kết chung cao nhất trên thị trường. Cụ thể, Lãi suất công bố bình quân 5 năm qua của Bảo Việt Nhân thọ là 7,1%/năm; trong đó Lãi suất công bố cao nhất là 8,5%/năm (năm 2014).



THÔNG TIN HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM DỰ KIẾN

Ngày dự thảo: 19/08/2019

	Họ và tên	Ngày sinh	Tuổi được bảo hiểm	Giới tính	CMND/Thẻ CCCD/ HC/GKS	Nghề nghiệp
Bên mua bảo hiểm đồng thời là Người được bảo hiểm	Nguyễn Văn A	01/01/1985	34	Nam	111	

Thông tin về Hợp đồng chính An Phát Cát Tường – Đóng phí định kỳ:

Thời hạn Hợp đồng bảo hiểm:	20 năm
Thời hạn đóng phí định kỳ:	Bằng thời hạn bảo hiểm
Định kỳ đóng phí:	Năm
QLBH tử vong/thương tật nghiêm trọng do tai nạn:	Cơ bản

	Người được bảo hiểm	Số tiền bảo hiểm (đồng)	Phí bảo hiểm định kỳ Năm (đồng)
An Phát Cát Tường – Đóng phí định kỳ	Nguyễn Văn A		25.000.000
Quyền lợi bảo hiểm chính			
- QLBH tử vong		1.000.000.000	
- QLBH thương tật nghiêm trọng do tai nạn		1.000.000.000	
Quyền lợi bảo hiểm nâng cao			
- QLBH tử vong do tai nạn mở rộng (thời hạn bảo hiểm 20 năm)		1.000.000.000	
- QLBH chăm sóc y tế (thời hạn bảo hiểm 20 năm)		2.000.000	
- QLBH bệnh ung thư (thời hạn bảo hiểm 20 năm)		500.000.000	
- QLBH bệnh đột quy (thời hạn bảo hiểm 20 năm)		500.000.000	



Lưu ý:

- Để được chấp nhận bảo hiểm với sản phẩm chính An Phát Cát Tường – Đóng phí định kỳ, tuổi của Người được bảo hiểm phải từ 0 đến 65 tuổi nhưng không quá 75 tuổi khi Hợp đồng đáo hạn.
- Phí bảo hiểm của Sản phẩm bổ trợ trong tài liệu minh họa này làm tròn theo đơn vị đồng.
- Thời hạn bảo hiểm của Sản phẩm bổ trợ không vượt quá thời hạn đóng phí của Hợp đồng chính.



MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CỦA HỢP ĐỒNG CHÍNH

Đơn vị: **ngìn đồng**(trừ khi được nêu rõ)

Năm HĐ/ Tuổi	Phí BH đóng trong năm	Phí BH đã đóng lũy kế	Phí ban đầu	Phí BH phân bố vào GTTK	Minh họa với lãi suất 7%/năm				Minh họa với lãi suất 5%/năm				Minh họa với lãi suất cam kết tối thiểu (Giá trị đảm bảo)			
	Phí BH định kỳ				Giá trị tùy thuộc kết quả kinh doanh (không đảm bảo)											
					Phí bảo hiểm rủi ro của HĐ chính	QL từ vong (QLBH chính)	Giá trị Tài khoản HĐ	Giá trị hoàn lại	Phí bảo hiểm rủi ro của HĐ chính	QL từ vong (QLBH chính)	Giá trị Tài khoản HĐ	Giá trị hoàn lại	Phí bảo hiểm rủi ro của HĐ chính	QL từ vong (QLBH chính)	Giá trị Tài khoản HĐ	Giá trị hoàn lại
1/34	25.000	25.000	12.500	12.500	6.682	1.000.000	6.193	0	6.682	1.000.000	6.017	0	6.683	1.000.000	5.753	0
2/35	25.000	50.000	6.250	18.750	6.898	1.000.000	19.284	0	6.899	1.000.000	18.675	0	6.900	1.000.000	17.864	0
3/36	25.000	75.000	4.500	20.500	7.195	1.000.000	34.855	12.355	7.198	1.000.000	33.496	10.996	7.201	1.000.000	31.882	9.382
4/37	25.000	100.000	3.000	22.000	7.510	1.000.000	52.794	32.794	7.516	1.000.000	50.306	30.306	7.521	1.000.000	47.597	27.597
5/38	25.000	125.000	2.500	22.500	7.837	1.000.000	72.184	54.684	7.847	1.000.000	68.142	50.642	7.857	1.000.000	64.029	46.529
6/39	25.000	150.000	875	24.125	8.212	1.000.000	94.282	81.782	8.229	1.000.000	88.184	75.684	8.245	1.000.000	81.874	69.374
7/40	25.000	175.000	875	24.125	8.635	1.000.000	117.487	111.237	8.662	1.000.000	108.783	102.533	8.688	1.000.000	99.796	93.546
8/41	25.000	200.000	875	24.125	9.072	1.000.000	141.863	141.863	9.113	1.000.000	129.949	129.949	9.152	1.000.000	117.774	117.774
9/42	25.000	225.000	875	24.125	9.547	1.000.000	167.453	167.453	9.607	1.000.000	151.666	151.666	9.663	1.000.000	135.756	135.756
10/43	25.000	250.000	875	24.125	10.110	1.000.000	194.250	194.250	10.195	1.000.000	173.866	173.866	10.275	1.000.000	153.638	153.638
11/44	25.000	275.000	875	24.125	10.751	1.000.000	224.203	224.203	10.870	1.000.000	198.261	198.261	10.981	1.000.000	172.855	172.855
12/45	25.000	300.000	875	24.125	11.391	1.000.000	253.643	253.643	11.553	1.000.000	221.396	221.396	11.707	1.000.000	189.529	189.529
13/46	25.000	325.000	875	24.125	12.078	1.000.000	284.431	284.431	12.295	1.000.000	244.925	244.925	12.503	1.000.000	205.801	205.801
14/47	25.000	350.000	875	24.125	12.750	1.000.000	316.738	316.738	13.036	1.000.000	268.870	268.870	13.311	1.000.000	221.647	221.647
15/48	25.000	375.000	875	24.125	13.441	1.000.000	350.657	350.657	13.814	1.000.000	293.248	293.248	14.172	1.000.000	237.002	237.002
16/49	25.000	400.000	875	24.125	14.182	1.000.000	389.993	389.993	14.669	1.000.000	321.209	321.209	15.141	1.000.000	252.901	252.901
17/50	25.000	425.000	875	24.125	14.864	1.000.000	427.707	427.707	15.489	1.000.000	346.585	346.585	16.101	1.000.000	265.697	265.697
18/51	25.000	450.000	875	24.125	15.551	1.000.000	467.424	467.424	16.353	1.000.000	372.394	372.394	17.142	1.000.000	277.678	277.678
19/52	25.000	475.000	875	24.125	16.240	1.000.000	509.287	509.287	17.265	1.000.000	398.609	398.609	18.272	1.000.000	288.742	288.742
20/53	25.000	500.000	875	24.125	16.837	1.000.000	553.547	553.547	18.147	1.000.000	425.284	425.284	19.428	1.000.000	298.855	298.855

Tổng Phí bảo hiểm đóng: 500.000.000 đồng. Trong đó: Phí bảo hiểm định kỳ: 500.000.000 đồng, Phí bảo hiểm đóng thêm định kỳ: 0 đồng.



Đơn vị: **nghìn đồng**

	Minh họa với lãi suất 7%/năm	Minh họa với lãi suất 5%/năm	Minh họa với lãi suất cam kết tối thiểu (Giá trị đảm bảo)
	Giá trị tùy thuộc kết quả kinh doanh (không đảm bảo)		
Tổng lũy tích của Quyền lợi Thưởng duy trì Hợp đồng	14.139	11.202	7.396
Tổng lũy tích của Quyền lợi Thưởng gia tăng Giá trị Tài khoản	2.867	1.390	67
Quyền lợi đáo hạn (đã bao gồm Quyền lợi Thưởng duy trì Hợp đồng và Quyền lợi Thưởng gia tăng Giá trị Tài khoản)	559.837	430.178	304.698

Ghi chú:

- Số liệu về Quyền lợi bảo hiểm tử vong (QLBH chính), Giá trị Tài khoản Hợp đồng (GTTKHD) và Giá trị hoàn lại nêu trên được xác định tại cuối Năm hợp đồng. Lưu ý với trường hợp tử vong trước sinh nhật lần thứ 4, số tiền trả áp dụng theo tỷ lệ % của Quyền lợi bảo hiểm tử vong và thay đổi theo sinh nhật.
- Giá trị hoàn lại là số tiền Quý khách nhận được (nếu có) khi Hợp đồng chấm dứt hiệu lực trước thời hạn hoặc khi Hợp đồng chấm dứt hiệu lực theo các quy định tương ứng trong Quy tắc, Điều khoản Hợp đồng. Giá trị này được xác định bằng GTTKHD trừ đi Phí chấm dứt Hợp đồng. Giá trị hoàn lại được xác định theo công thức đã được Bộ Tài chính chấp thuận.
- GTTKHD, Giá trị hoàn lại và Quyền lợi đáo hạn trong bảng trên đã bao gồm Quyền lợi Thưởng duy trì Hợp đồng và Quyền lợi Thưởng gia tăng Giá trị Tài khoản (nếu có).
- Đối với giá trị minh họa đảm bảo: (i) GTTKHD được tính bằng GTTKHD tính theo Lãi suất cam kết tối thiểu cộng với tổng lũy tích theo Lãi suất cam kết tối thiểu của Quyền lợi Thưởng gia tăng đầu tư đã phát sinh; (ii) Giá trị hoàn lại và Quyền lợi bảo hiểm tử vong được tính trên cơ sở GTTKHD đảm bảo nêu trên.
- Phí quản lý Hợp đồng đã được khấu trừ khi tính toán Giá trị Tài khoản Hợp đồng và các giá trị liên quan.
- Các giá trị minh họa được làm tròn theo đơn vị nghìn đồng (trừ khi được nêu rõ). Do việc làm tròn này, giá trị thể hiện theo đơn vị đồng có thể khác so với khi thể hiện theo đơn vị nghìn đồng.



CÁC LOẠI PHÍ

1. **Phí bảo hiểm rủi ro:** Phí bảo hiểm rủi ro được xác định căn cứ vào tỷ lệ phí bảo hiểm rủi ro, Số tiền bảo hiểm rủi ro, nghề nghiệp, sức khỏe, độ tuổi, giới tính của Người được bảo hiểm và các quy định về đánh giá rủi ro của Bảo Việt Nhân thọ.

2. **Phí ban đầu:**

Năm phân bổ	1	2	3	4	5	Từ năm thứ 6 trở đi
Tỷ lệ Phí ban đầu trên Phí bảo hiểm định kỳ	50%	25%	18%	12%	10%	3,5%
Tỷ lệ Phí ban đầu trên Phí bảo hiểm đóng thêm	3,5%	3,5%	3,5%	3,5%	3,5%	3,5%

3. **Phí quản lý Hợp đồng:** hiện tại là 20.000 đồng/tháng. Bảo Việt Nhân thọ có quyền điều chỉnh phí này hàng năm căn cứ vào tỷ lệ lạm phát do Chính phủ công bố nhưng tối đa không quá 70.000 đồng/tháng. Mức phí này sẽ được điều chỉnh sau 03 tháng thông báo với Bên mua bảo hiểm.

4. **Phí quản lý Quỹ liên kết chung:** 2%/năm tính trên giá trị Quỹ liên kết chung. Mức phí này sẽ được điều chỉnh sau 03 tháng thông báo với Bên mua bảo hiểm nhưng tối đa không quá 3%/năm.

5. **Phí chấm dứt Hợp đồng:** được xác định bằng tỷ lệ % của Phí bảo hiểm định kỳ quy năm như sau:

Năm phân bổ	1	2	3	4	5	6	7	Từ năm thứ 8 trở đi
Phí chấm dứt Hợp đồng	100%	100%	90%	80%	70%	50%	25%	0%

6. **Phí rút trước:** Phí rút trước được áp dụng khi Bên mua bảo hiểm rút một phần Giá trị Tài khoản Hợp đồng. Phí rút trước được khấu trừ từ Giá trị Tài khoản Hợp đồng.

7. **Phí kiểm tra sức khỏe:** bằng phí thực tế phát sinh. Quý khách chỉ phải chịu phí này trong một số trường hợp.



QUÝ KHÁCH LƯU Ý

- Những số liệu trong Tài liệu minh họa Hợp đồng bảo hiểm này được xác định tại thời điểm minh họa theo nhu cầu, thông tin Quý khách cung cấp và dựa trên giả định rằng Phí bảo hiểm được đóng đầy đủ, đúng hạn, theo định kỳ đóng Phí bảo hiểm mà Quý khách lựa chọn và trong thời hạn bảo hiểm không có yêu cầu nào của Quý khách làm thay đổi những số liệu trên.
- Giá trị Tài khoản Hợp đồng trên thực tế sẽ phụ thuộc vào kết quả đầu tư của Quỹ liên kết chung, Phí bảo hiểm thực đóng, số tiền rút ra và các thay đổi liên quan đến Hợp đồng, do vậy có thể cao hơn, hoặc thấp hơn so với số liệu minh họa nêu trên.
- Phí bảo hiểm rủi ro của Hợp đồng chính An Phát Cát Tường – Đóng phí định kỳ và Phí bảo hiểm của các Sản phẩm bổ trợ (nếu có) trong bảng trên được xác định cho Người được bảo hiểm có đủ điều kiện được chấp nhận bảo hiểm phí chuẩn theo các quy định về đánh giá rủi ro của Bảo Việt Nhân thọ.
- Việc tham gia Hợp đồng An Phát Cát Tường – Đóng phí định kỳ là một cam kết dài hạn, do vậy việc không đóng Phí bảo hiểm đầy đủ, giảm Phí bảo hiểm, dừng đóng Phí bảo hiểm, rút một phần Giá trị Tài khoản Hợp đồng hoặc chấm dứt Hợp đồng trong các năm đầu là KHÔNG có lợi. Theo quy định hiện hành của Bảo Việt Nhân thọ, **Phí bảo hiểm thực đóng chỉ được giảm khi Phí bảo hiểm định kỳ của 04 Năm hợp đồng đầu tiên được đóng đầy đủ.**
- Hợp đồng bảo hiểm An Phát Cát Tường – Đóng phí định kỳ sẽ tự động chấm dứt hiệu lực và Quý khách sẽ chỉ được nhận Giá trị hoàn lại (nếu có) nếu Quý khách không đóng đủ Phí bảo hiểm cần thiết trong vòng 60 ngày kể từ ngày (i) Phí bảo hiểm định kỳ không được đóng đầy đủ trong 04 năm Hợp đồng đầu tiên; hoặc (ii) Giá trị Tài khoản Hợp đồng trừ đi Khoản nợ (nếu có) nhỏ hơn hoặc bằng 0 (không) theo các trường hợp cụ thể được quy định tại Quy tắc, Điều khoản hợp đồng.
- Quyền lợi bảo hiểm cùng những nội dung khác liên quan đến việc giao kết và thực hiện hợp đồng của Hợp đồng chính và các Sản phẩm bổ trợ (nếu có) được quy định chi tiết trong Quy tắc, Điều khoản bảo hiểm An Phát Cát Tường – Đóng phí định kỳ và Quy tắc, Điều khoản bảo hiểm của các Sản phẩm bổ trợ tương ứng.



XÁC NHẬN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TƯ VẤN VIÊN (ĐẠI LÝ BẢO HIỂM)

Tôi, Bên mua bảo hiểm ký tên dưới đây, xác nhận đã được Tư vấn viên của Bảo Việt Nhân thọ có tên và mã số dưới đây tư vấn và giải thích rõ ràng, đầy đủ về nội dung Tài liệu minh họa Hợp đồng bảo hiểm, Quy tắc, Điều khoản Hợp đồng, điều kiện bảo hiểm của sản phẩm An Phát Cát Tường – Đóng phí định kỳ và Sản phẩm hỗ trợ mua kèm (nếu có). Tôi đồng thời cũng xác nhận đã đọc và hiểu toàn bộ nội dung của Tài liệu minh họa Hợp đồng bảo hiểm này kể cả các lưu ý, các đặc điểm, quyền lợi và trách nhiệm của Tôi khi tham gia bảo hiểm.

Bên mua bảo hiểm

Chữ ký

Ngày/tháng/năm

Tôi, Tư vấn viên (Đại lý bảo hiểm) ký tên dưới đây, cam kết đã tư vấn và giải thích rõ ràng, đầy đủ cho Quý khách có tên nêu trên về nội dung Tài liệu minh họa Hợp đồng bảo hiểm, Quy tắc, Điều khoản Hợp đồng và điều kiện bảo hiểm của sản phẩm An Phát Cát Tường – Đóng phí định kỳ và Sản phẩm hỗ trợ mua kèm (nếu có).

Tư vấn viên

Chữ ký

Ngày/tháng/năm

